

LỜI XIN LỖI CỦA MỘT SỐ NHÀ NGOẠI GIAO MĨ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ DỤNG HỌC VÀ SIÊU DIỄN NGÔN

APOLOGIES OF SOME AMERICAN DIPLOMATS FROM PRAGMATICS AND META-DISCOURSE

NGUYỄN VĂN ĐỘ

(PGS, TS Đại học Thăng Long)

Abstract

The article is one of tremendous efforts aiming at discussing about apologizing within state-to-state diplomacy, in this case, between China and the US via two incidents happened in 1999 and 2001. Analytical data were extracted from interviews of four American ex-diplomats by *Lewis Glinert* in the late 2001. The article is longing to achieve three following objectives: (a) unveil critical thinking in order to offer intend apologies in diplomatic area, (b) by meta-discursive approach, discover the way of thinking of the four US diplomats when selecting such apologies, and (c) make small contribution to long-time-ago discussion in pragmatics about characteristics of apology. Besides, the author also pays attention to factors that influence on effectiveness of apologies namely cleverness, elasticity in choosing the time and location for releasing apologies or delaying the time strategically. In general, the crux of the article is to examine apologies in state-to-state diplomacy from pragmatic norms and meta-discourse.

1. Lời dẫn

Sự truy tìm nhằm xác định các chuẩn mực dụng học, một nhóm các yếu tố ngôn ngữ, hay các kiến trúc ngôn từ (discursive construction) có thể nhận diện được các đặc trưng của lời xin lỗi, luôn chiếm vị trí trung tâm trong các nghiên cứu về xin lỗi¹. Tuy

nhien, một số nghiên cứu có uy tín nhất trong lĩnh vực này cũng đã thừa nhận rằng, các phạm trù ngôn từ (discursive categories) mà họ đề xuất vẫn chưa thực sự được xác định một cách rõ ràng.

¹ Hai từ “sorry” và “apologize” trong tiếng Anh có thể được sử dụng để thực hiện hành động “xin lỗi”. Trong cuộc sống đời thường, người ta thường sử dụng *sorry* như một lời xin lỗi đi cùng với sự hối tiếc vì điều đã xảy ra, trong khi *apologize* lại có nghĩa là sự thừa nhận trách nhiệm một cách chính thức về điều

đã làm. Trong bài viết này, chúng tôi phân biệt giữa “*apology*” “lời xin lỗi chính danh” và “*sorry*” “lời xin lỗi không chính danh”. Lời xin lỗi chính danh được hiểu là lời xin lỗi đầy đủ/dịch thực kèm theo sự thừa nhận trách nhiệm về sự sai phạm và lời xin lỗi không chính danh là lời xin lỗi nửa vời, không có sự thừa nhận trách nhiệm một cách đầy đủ, cho dù ít nhiều mang sắc thái của sự hối tiếc.

Ngoài mục đích cơ bản là tìm kiếm các chuẩn mực dụng học, thông qua những biểu hiện bên ngoài về mặt ngôn ngữ, tức hình thức của nó, người ta hầu như rất ít chú ý đến hình thức bên trong, tức nội dung ngữ nghĩa hay lực ngôn trung của lời xin lỗi. Thêm nữa, các nhân tố tác động không nhỏ đến hiệu lực của lời xin lỗi ví như sự khôn khéo, mềm dẻo trong việc lựa chọn thời gian và nơi chốn để nói lời xin lỗi hay sự trì hoãn kéo dài thời gian, và một điều khác không kém phần quan trọng, đó là thái độ và quan sát của giới cử tọa trong nước, trong trường hợp lời xin lỗi xảy ra giữa hai quốc gia cũng vẫn chưa được quan tâm một cách thỏa đáng. Trong các trang viết này, chúng tôi mong muốn đi sâu phân tích những lời xin lỗi của người Mỹ đối với người Trung Quốc trong hai sự kiện, vụ ném bom đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade vào năm 1999 và vụ máy bay Mỹ phải hạ cánh khẩn cấp xuống đảo Hải Nam do va chạm với máy bay Trung Quốc vào năm 2001. Hi vọng bài viết này góp thêm tiếng nói về hành động ngôn từ xin lỗi từ góc độ chuẩn mực dụng học (pragmatic norms) và góc độ siêu diễn ngôn (meta-discourse).

2. Các đặc trưng tiêu biểu của lời xin lỗi của một số nhà cựu ngoại giao Mỹ

2.1. Khung cánh nghiên cứu

Lewis Glinert đã phỏng vấn 4 cựu quan chức ngoại giao Mỹ về những mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ, đặc biệt thông qua hai sự kiện gây nhiều tranh cãi trong ngoại giao giữa hai quốc gia này vào những năm 1999 và 2001. Vì các lý do tế nhị, bốn quan chức này đề nghị không nêu danh tính nên họ được đặt tên lần lượt là A, B, C, và D.

Các cuộc phỏng vấn tập trung vào những lời xin lỗi chính danh của người Mỹ đối với người Trung Quốc sau hai sự kiện quan trọng: vụ ném bom của máy bay Mỹ vào đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade vào năm

1999 và vụ đụng độ trên không của máy bay Mỹ và máy bay Trung Quốc ngoài khơi đảo Hải Nam vào năm 2001, và sau đó là sự hạ cánh khẩn cấp của máy bay Mỹ trên đảo Hải Nam. Trong những lời xin lỗi ở vụ Belgrade, người Mỹ biểu thị *sự hối tiếc sâu sắc* (*deep regret*) ngay từ ban đầu trong khi giữ nguyên quan điểm cho đó chỉ là một tai nạn bi thảm (a tragic accident). Trong vụ đảo Hải Nam, người Mỹ khẳng định rằng họ đã hành động đúng trong phạm vi quyền hạn của mình, nhưng cuối cùng cũng đưa ra cái mà người Trung Quốc chấp nhận là lời xin lỗi chính danh.

2.2. Mô hình lời xin lỗi 3 cấp độ

Quan chức C đã mở đầu cuộc phỏng vấn bằng việc xem xét đến một vấn đề mang tính chung nhất của các lời xin lỗi giữa quốc gia với quốc gia: “Tại sao lại xin lỗi?” (“Why apologize”). Và sau đó ông đã đề xuất mô hình lời xin lỗi của riêng mình, bao gồm “ba cấp độ của lời xin lỗi” (“three levels of apology”):

1. “It was a mistake” (“Đó là một lỗi lầm”), mức độ xin lỗi thấp nhất và không có bất kỳ sự tự nhận trách nhiệm nào.

2. Explicit verbal apology (Lời xin lỗi bằng lời hiển minh), có hình thức “We apologize” (“Chúng tôi xin lỗi”).

3. Display of remorse or regret, this is “more Oriental” (Biểu thị sự hối hận hay lấy làm tiếc), điều này mang tính chất “phương Đông hơn”.

Quan chức C nhắc đến sự “vô trách nhiệm” (“no responsibility”) trong lời xin lỗi Cấp độ 1 nhưng không nói rõ điều này có nghĩa là gì. Tiếp theo, quan chức C giải thích lời xin lỗi Cấp độ 2 “An apology in words” (“Lời xin lỗi bằng lời”) với một hình tượng khá đặc sắc: Khi nói “We apologize” (“Chúng tôi xin lỗi”), ông ta phát biểu, nghĩa là chúng ta đang “kéo dẫn sợi dây cao su giữa hai nền văn hoá Đông và Tây”. (“stretching

the rubber band between Western and Oriental cultures”). Khi Tổng thống Bill Clinton đưa ra lời xin lỗi vì vụ ném bom ở Belgrade theo “cách của người Mỹ”, lời xin lỗi này được xem là thỏa đáng theo chuẩn của người Mỹ, nhưng nó lại không đáp ứng được chuẩn của người Trung Quốc. Do vậy, quan chức C hoàn toàn nghiêm túc khi tuyên bố rằng phải tìm được cách để có thể kéo dẫn “We apologize” (“Chúng tôi xin lỗi”) giữa hai nền văn hoá Đông và Tây, và trong thực tế, ông ta thường xuyên thấy việc kéo dẫn này là hữu ích trong suốt sự nghiệp ngoại giao của mình.

Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ tiếp tục xem xét hình ảnh kéo dẫn sợi dây cao su của các cựu quan chức ngoại giao Mỹ. Chúng ta sẽ xác định khái niệm siêu diễn ngôn của sự xin lỗi “mềm dẻo” (metadiscursive conception of “elastic” apologizing), và hi vọng có thể cung cấp những nhìn nhận mang tính lí thuyết trong dụng học của lời xin lỗi chính danh.

2.3. Thái độ và cách nhìn về bản chất của lời xin lỗi

Theo Goffman 1967: 5; Haugh and Hinze: 2003: 1584; O’Driscoll 2007: 464, thể diện có thể được đặc định như là một mức độ hài lòng về hình ảnh xã hội và hình ảnh cái ta (social image and self-image). Đưa ra lời xin lỗi là một cách để người phạm lỗi lấy lại thể diện cho người bị phạm lỗi (O’Driscoll 2007). Trong nhiều nền văn hoá, người xin lỗi không nhất thiết phải biểu thị sự hạ thấp bản thân mình, ngoại trừ những trường hợp vi phạm nghiêm trọng; trong khi ở Trung Quốc, chuẩn mực về lịch sự cho phép người ta kì vọng ở sự tự hạ mình cùng với sự vinh danh người khác. Do vậy, Gu (1990 246, 255) xác định Phương châm Tự hạ mình (Self-denigration Maxim)-(a) hạ thấp thanh danh của mình và (b) nâng cao người khác-và Nguyên tắc Cân bằng (Principle of Balance): Người nghe (H)

phải tự hạ thấp mình và tôn vinh Người nói (S) và ngược lại.

Cho dù đó là sự vi phạm nào, luôn có một hố sâu ngăn cách, theo quan điểm của tất cả những người mà Lewis Glinert phỏng vấn, giữa những nhu cầu thể diện hiển minh của chính phủ Trung Quốc và của chính phủ Mỹ. Quan chức A nhận xét là, mặc dù chính phủ Mỹ cho là mình có quyền (như trong trường hợp ở đảo Hải Nam) hay sự phạm lỗi do đánh giá sai (trong trường hợp ném bom ở Belgrade), phía Trung Quốc vẫn muốn Mỹ vì đã hành động thô bạo nên phải chịu nhục: “Người Trung Quốc hiểu (sự ăn năn) như một sự sửa chữa đối với một sự vi phạm nghiêm trọng”. (“The Chinese interpret (remorse) as redress for a serious offence”). Quan chức D nhận xét: “Người Trung Quốc thấy cần thiết phải được chứng minh là mình đúng, và điều này người Mỹ khó có thể nuốt trôi” (The Chinese need to be proven right, which sticks in the US craw”. Quan chức C cũng khẳng định: “Tồn tại khái niệm khúm núm trong yêu cầu của người Trung Quốc đối với lời xin lỗi”. (“There is a notion of subservience in the Chinese demand for apologies”).

Đối với người Mỹ, quan chức A tuyên bố: “Trong cả hai trường hợp ở đảo Hải Nam và Belgrade phía Mỹ không chấp nhận sự biểu thị sự hối hận, sự lấy làm tiếc hay nhiều lần đưa ra lời xin lỗi... Người Mỹ cho rằng đó là sự sỉ nhục”. (“Neither in the Belgrade bombing nor in the Hainan incident will the American side countenance a deep expression of remorse or regret or multiple apologies ...Americans interpret it as humiliation”). Cũng theo quan chức C, tiếp theo vụ việc ở đảo Hải Nam, chính quyền mới của Mỹ không vội vã tìm câu trả lời, “sao cho không bị trông có vẻ yếu thế” (“so as not to appear weak”) và bổ sung thêm một quan sát thú vị: “Phát

bắn tốt nhất là phát đầu tiên”. (“The best shot is the first”).

Làm thế nào, khi đó, để thỏa mãn được thể diện lẫn nhau? Quan chức A, trong khi đưa ra lời bình luận về sự cố ở đảo Hải Nam đã nói: “Người Trung Quốc hiểu rằng họ không thể nhận được một lời xin lỗi đích thực từ phía người Mỹ. Thay vào đó, là một sự thỏa hiệp. Người Trung Quốc vẫn hồi thể diện (bằng cách giam giữ đội bay và sau đó là chấp nhận một lời xin lỗi ngụy-chính danh) và người Mỹ nhận lại đội bay” (“The Chinese realized that they couldn’t get a real apology. Instead, there was a trade-off. The Chinese saved face (by detaining the crew and the accepting a pseudo-apology) and the US got its crew back”). Quan chức B quả quyết rằng, trong trường hợp này, “phía Mỹ và phía Trung Quốc hoàn toàn hiểu nhau”. (“the US and China understand one another”).

Tuy nhiên, các cuộc phỏng vấn của Lewis Glinert cũng đã khám phá một số cuộc tranh luận về sự suy xét cân nhắc của phía Mỹ ngoài vấn đề thể diện trong quá trình tìm kiếm lời xin lỗi phù hợp. Ba trong số bốn người được phỏng vấn có dấu hiệu cho thấy có sự lo lắng rằng, xin lỗi có nghĩa là thừa nhận trách nhiệm pháp lý, hậu quả tất sẽ dẫn đến một sự thiệt hại nào đó. Theo quan chức D, “Xin lỗi không chỉ đơn giản là vấn đề thể diện”. (“Apologies are not just about face”). “Người lãnh đạo nước Mỹ không được nói lời xin lỗi, nếu lời xin lỗi đó thừa nhận trách nhiệm trong khi trách nhiệm đó lại không thuộc về người Mỹ”. (“A US leader should not apologize if it would admit responsibility where there is none”). Lập trường đã được khẳng định của người Mỹ là: “Nói ‘Chúng tôi xin lỗi’ nghĩa là thừa nhận lỗi”. Quan chức C mô tả lại sự bác bỏ lời xin lỗi của Tổng thống trong trường hợp ném bom tại Belgrade: “Bộ Ngoại giao mong muốn thương thuyết về sự thiệt hại của cả hai bên, nhưng Quốc hội lại

không muốn trả giá cho bất cứ sự thiệt hại nào vì cho rằng đây là chiến tranh”. (“The state department wanted to negotiate *mutual* damages, and Congress did not want any damages to be paid, as this was war”). Tuy nhiên, Quan chức B lại có quan điểm hoàn toàn khác: Tốt nhất là nên xin lỗi hơn là để cuộc khủng hoảng kéo dài, mặc dù về mặt pháp lý là đáng sợ, nhưng với điều kiện là lời xin lỗi đó phải được thực hiện ở cách mà người Mỹ không coi là bị hạ nhục.

Quan chức A cho rằng sự cố ở đảo Hải Nam là một trường hợp cực kì nghiêm trọng, và đã dẫn đến một sự “bế tắc thực sự”, bởi lẽ người Mỹ nhất định không chịu đưa ra lời xin lỗi đích thực. Nhưng thậm chí ở đây, nơi mà nhu cầu thể diện lẫn nhau có vẻ như quá khác biệt, không gian cho một loạt các bước đi khôn khéo cuối cùng cũng đã được tìm thấy - nhờ sự đàn hồi của lời xin lỗi và sự trả giá cao hơn - sự giam giữ đội bay của người Mỹ. Tính mềm dẻo của ngôn ngữ được sử dụng, những khác biệt giữa các ngôn ngữ và các tầng lớp cử tọa khác nhau được khai thác như thế nào để lấp đầy khoảng trống giữa hai tập hợp nhu cầu thể diện sẽ là chủ đề của cuộc thảo luận tiếp theo của chúng tôi. Trên thực tế, lời bình của quan chức C: “Chúng tôi yêu cầu phía Trung Quốc phải dựa vào lời nói của chúng tôi” (“We require the Chinese to rely on our words”) có nhiều cách hiểu khác nhau.

2.4. “Chúng tôi rất xin lỗi”: *Vậy mà không phải vậy*

Theo Lewis Glinert, đường lối của người Mỹ trong cuộc khủng hoảng ở đảo Hải Nam năm 2001 là tránh nói “We apologize” (“Chúng tôi xin lỗi”), nghĩa là tránh thừa nhận đã hành động sai trái. Thay vào đó, người Mỹ chọn từ “*sorry*”, và khẳng định rằng nước Mỹ “*rất xin lỗi*” (“*very sorry*”). Quan chức A nhớ lại: “Phía Trung Quốc giữ nguyên lập trường yêu cầu phía Mỹ phải nói ‘We apologize’ và phía Mỹ nhất định từ chối.

Tuy nhiên, như quan chức A đã có một nhận xét đầy ý nghĩa, thông điệp là chỗ hợp dòng của ngôn từ và ngữ cảnh-và đây chính là chỗ cho một sự thao tác chiến lược: “Người Mỹ đưa ra một ‘We’re sorry’ (‘Chúng tôi xin lỗi’) và đảm bảo chắc chắn rằng kể cả ngữ cảnh cũng không hàm chỉ một sự sai trái”. (The US offered a ‘We’re sorry’ and had to ensure the context too didn’t imply a wrong doing).

Thông qua bức thư mà ngài Đại sứ Mỹ Joshep W. Pruecher gửi cho ngài Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tang Jianxuan chúng ta thấy vai trò của ngữ cảnh quan trọng đến mức nào trong khi đưa ra lời xin lỗi:

We are very sorry the entering of China’s airspace and the landing did not have verbal clearance, but very pleased the crew landed safely. (Chúng tôi rất xin lỗi đã bay vào không phận của Trung Quốc và việc hạ cánh không được phép, nhưng rất vui vì đội bay hạ cánh an toàn).

Trong khi nói bạn rất xin lỗi (very sorry) rằng bạn đã hạ cánh mà không có sự xin phép nghe có vẻ như một lời xin lỗi thực thụ đối với đại đa số người nghe, nhưng ngữ cảnh cụ thể lại có ý là không có sự thừa nhận lỗi lầm trong phát ngôn này: Thứ nhất, đây là “xin lỗi rằng/là X,” (“sorry that x,”) (mà) thông thường hàm chỉ một sự tiếc nuối hơn là sự tự khiển trách-đối nghịch với “rất xin lỗi vì đã làm x,” (“sorry for having done x,”) (mà) thông thường là thừa nhận sự sai trái/trách nhiệm. (Điều này đã được Bộ trưởng Ngoại giao Powell phát biểu trên kênh CBS *Face the Nation* (*Giương mặt Dân tộc*), ngày 8 tháng 4 năm 2002: “We do acknowledge that we violated their air space, but look at the emergency circumstances that the pilot was facing. And we regret that, we’ve expressed sorrow for it, and we’re sorry that that happened, but that can’t be seen as an apology accepting responsibility”. (“Chúng tôi thừa nhận là đã vi phạm không phận của

họ, nhưng lưu ý đến tình huống khẩn cấp mà viên phi công của chúng tôi phải đối mặt. Chúng tôi lấy làm tiếc vì điều đó, và chúng tôi rất xin lỗi vì điều đó đã xảy ra, nhưng không thể coi đó là lời xin lỗi kèm theo sự thừa nhận trách nhiệm về điều đã xảy ra”). Thứ hai, câu này lại được tiếp nối bằng sự hồ hởi vì sự hạ cánh an toàn của phi đội. Việc gắn thêm sự hồ hởi về sự hạ cánh an toàn này và những sự hối tiếc về cái chết của viên phi công có thể được hiểu là một cách làm giảm nhẹ hiệu lực của lời xin lỗi. Và thứ ba, trong bức thư không tìm thấy bất kì một đề cập nào đến sự hối lỗi hay trách nhiệm từ phía người Mỹ. Trường hợp vừa bàn trên là một sự thừa nhận sai lầm lưỡng nghĩa. Theo tiêu chí của một số nhà nghiên cứu-sự thừa nhận sai lầm và sự biểu thị sự ân hận (ví dụ Lind 2008, Cunningham 1999, Smith 2008)-là hình thức xin lỗi nhẹ nhàng nhất.

2.5. Sự chuyển dịch mềm dẻo như một sự lưỡng nghĩa chiến lược

Đến đây, chúng tôi đã nói về sự lưỡng nghĩa dụng học có thể có trong ‘very sorry’ (‘rất xin lỗi’) với tư cách là ‘apology’ (‘lời xin lỗi’). Một nhân tố cơ bản trong sự lưỡng nghĩa bao trùm lên những lời xin lỗi này là một hố sâu khác biệt về mặt ngôn ngữ giữa các bên tham gia thương thuyết. Thực vậy, quan chức A nói rằng trong các cuộc thương thuyết về sự cố ở đảo Hải Nam, các nhà ngoại giao Trung Quốc đột nhiên sử dụng tiếng Anh để làm việc, và rằng điều này sẽ loại trừ ngay những sắc thái riêng biệt của lời xin lỗi trong tiếng Trung Quốc. Vấn đề là làm thế nào để biểu thị được sự xin lỗi của phía này bằng ngôn từ của phía bên kia, và ở cách mà có thể làm hài lòng được giới cử tọa đa dạng của cả hai phía? Điều gì sẽ xảy ra nếu các chuẩn mực dụng học của một ngôn ngữ không được chuyển dịch một cách tốt nhất sang tiếng nước kia? Công năng của các hành động ngôn từ hay sự miêu tả mang tính nhận

định của thái độ phải được diễn giải hoặc có tầm hoạt động xa đến mức nào? Để trả lời những câu hỏi này, không phải là điều dễ dàng.

Khoảng trống ngôn ngữ có ý nghĩa thực thụ nằm giữa các tầng lớp người quan tâm khác nhau của các nhà thương thuyết: hai chính phủ, hai giới truyền thông và hai cộng đồng công chúng. Chúng ta hãy dựa trên những nghiên cứu đã được công bố để so sánh các thuật ngữ biểu thị sự đáng tiếc (regret) được sử dụng trong các bản dịch sang tiếng Trung Quốc và đặt chúng trong thang giá trị đối với các thuật ngữ được sử dụng trong tiếng Anh do người Mỹ sử dụng trong sự cố 2001 (khác với năm 1999, phía Mỹ đưa ra hai phiên bản của lời xin lỗi, một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Trung Quốc). Các quan chức ngoại giao này nói: ‘Chúng tôi sẽ không dùng từ “apology” (“xin lỗi”), bởi lẽ chính phủ Mỹ không muốn muốn nó là lời xin lỗi đầy đủ’. (‘We will not use the word “apology”, since the US administration did not want it to be seen as a full apology’). Lần này, dường như, chính phủ Mỹ đã không phó mặc cho người Trung Quốc tùy ý dịch giải lời tuyên bố của họ theo ý của riêng mình-có lẽ là bởi vì phía Mỹ coi đó là trách nhiệm mang tính pháp lí và tiền lệ để giữ quyền được bay trong khu vực.

Sau khi đại sứ quan Mỹ ở Bắc Kinh đưa ra bản dịch sang tiếng Trung Quốc lời xin lỗi của ngài Đại sứ Prueher, phía Trung Quốc cũng đưa ra phiên bản dịch của riêng mình. Lời xin lỗi này được đăng trong *People's Daily* (Nhân dân Nhật báo), và nó khác khá xa so với những gì mà người Mỹ đã lựa chọn. Hang Zhang (2001) và Yee (2004) đã so sánh giữa hai phiên bản dịch này. Đối với *very sorry* liên quan đến cái chết của viên phi công, phía Mỹ sử dụng *feichang wanxi* (sự thương cảm/thông cảm), nhưng để biểu thị *very sorry* liên quan đến việc hạ cánh không

được phép, phía Mỹ sử dụng *feichang baoqian* (rất lấy làm buồn, extremely sorry). Thuật ngữ *wanxi*, theo Zhang, không phải là một trong số 6 lời xin lỗi thông thường của người Trung Quốc; đúng hơn là, nó là một “mệnh đề lãnh đạm, thông thường không được sử dụng khi liên quan đến cái chết”. Ngược lại, người Trung Quốc dịch cả hai trường hợp *very sorry* bằng *shenbiao qianyi* (rất xin lỗi hoặc rất lấy làm tiếc). Bằng cách dịch lại thông điệp của người Mỹ theo cách đáp ứng được thể diện của người Trung Quốc, Bắc Kinh có thể giảng hòa nhờ một lời xin lỗi mập mờ.

Zhang đi đến kết luận rằng bằng cách đưa ra phương án dịch sang tiếng Trung Quốc của riêng mình, phía Mỹ đã loại bỏ cơ hội cho sự tranh cãi tiếp theo. Chúng tôi không thể tán thành điều này: thứ nhất, rất nhiều người Trung Quốc có thể đọc bức thư bằng tiếng Anh nguyên gốc và tự thấy rằng người Mỹ không nói (“We apologize”) (“Chúng tôi xin lỗi”). Thứ hai, những sự khập khiễng giữa hai bản dịch chứng minh rằng luôn luôn có chỗ cho một cuộc tranh cãi về ý nghĩa của một lời xin lỗi. Như Richard Solomon (1999: 113) nhấn mạnh, trong khi dựa vào kinh nghiệm thương thuyết của Henry Kissinger trong Thông cáo Thượng Hải (Shanghai Communiqué) (Kissinger 1979: 1084): “Người Trung Quốc rất tỉ mỉ trong việc dịch các tuyên bố trong thương thuyết bằng tiếng Anh sang tiếng Trung Quốc”. (The Chinese are meticulous in translating statements negotiated in English into Chinese”).

Thật ấn tượng, tuy nhiên, điều này rõ ràng là không thành vấn đề đối với Washington. Quan chức A diễn đạt điều đó như sau: “Phía Mỹ không đồng thời kiểm tra phương án dịch của phía Trung Quốc, nhưng phương án cuối cùng do người Trung Quốc đưa ra cũng không làm phía Mỹ ngạc nhiên. Người

Trung Quốc đã bỏ qua đôi điều, vì những lợi thế của mình, nhưng không gây ra bất cứ điều phiền toái nào.”

Bằng cách khai thác các khoảng trống giữa hai ngôn ngữ, hai phía đã thành công trong việc nhận được sự chấp thuận của tất cả các bên đối với lời xin lỗi. Và sự mập mờ chiến lược bản thân nó là một cấu trúc quan trọng thường gặp trong các nghiên cứu về tổ chức thông tin của người Mỹ (Eisenberg 1984).

2.6. Vấn đề thời gian như những chiến lược mềm dẻo

Có thể nói rằng trong bất kỳ một cuộc trao đổi nào, yếu tố về thời gian luôn là một nhân tố quan trọng. Một khi lời xin lỗi đã được dự đoán trước đó được nói ra một cách chậm trễ, rất có thể sẽ bị phía bị phạm lỗi coi đó là một hành động không thân thiện. Mặt khác, như quan chức B nhận xét, “Chính quyền mới có một cảm giác mạnh mẽ về toàn bộ sự cố, do vậy họ không muốn bị coi là yếu thế, và vì vậy họ không vội vàng nhằm ‘tìm kiếm’ hình thức của lời xin lỗi phù hợp nhất”. (“The new administration had strong feelings about the whole incident, so they didn’t want to look weak, hence the time it took to ‘find’ the right forms of words”). Quan chức A nói thêm: “Những nhà thương thuyết trong vụ đảo Hải Nam chờ đến lễ Phục sinh, thời hạn cuối cùng do phía Trung Quốc ấn định mới đưa ra lời xin lỗi”. Trong lời bình của quan chức C, chúng tôi thấy sự điều tiết thời gian có thể vẫn hồi thể diện không phải chỉ đối với phía vi phạm mà đối với ngay cả phía người chuẩn bị đưa ra lời xin lỗi. Một lời xin lỗi đưa ra nhanh, ông ta nói, có thể bị coi là một sự hèn kém. Do vậy, thời gian cần thiết để “tìm” ra hình thức phù hợp của lời xin lỗi có thể hoặc không thực sự dành cho việc tìm kiếm lời xin lỗi phù hợp; nó có một chức năng khác: làm giảm nhẹ hiệu lực của lời xin

lỗi và để vẫn hồi thể diện trong con mắt của các cử tọa người Mỹ trên sân nhà. Trên thực tế, một mục đích khác của việc thương thuyết trong xin lỗi là trì hoãn/kéo dài thời gian.

Đối với các nhà thương thuyết phía bên kia, sự chậm trễ về thời gian có thể chuyển tải một thông điệp lưỡng nghĩa, tức là người mắc lỗi thương thuyết về hình thức của lời xin lỗi hơn là về bản thân hành động xin lỗi. Trong thực tế, phía bên kia có thể chọn chiến lược trì hoãn của riêng mình để đạt được một mục đích cụ thể nào đó.

5. Kết luận

Các quan chức cựu ngoại giao Mỹ, những người đã tham gia vào tham gia phỏng vấn, đã mô tả những lời xin lỗi của Mỹ đối với Trung Quốc các năm 1999 và 2001 như là một quá trình thương thuyết, bao gồm các cuộc đấu tranh ngôn từ về các vấn đề như liệu người ta có thể vừa đưa ra lời xin lỗi vừa từ chối sự phạm lỗi và liệu có tồn tại hay không các thuật ngữ đặc biệt nào trong tiếng Trung Quốc và tiếng Anh ảnh hưởng đến những lời xin lỗi khôn khéo. Sự lưỡng nghĩa, khoảng trống giữa các ngôn ngữ, và các nhận thức dụng học của sự trống vắng được sử dụng như một chiến lược lợi hại. Tất cả điều này xảy ra như một phần của khung sửa chữa bằng lời rộng hơn-bản thân nó khớp ghép với một bộ các hành động sửa lỗi phi lời, những sự điều tiết về thời gian, và v.v., vốn bao gồm những sự lưỡng nghĩa mang tính chiến lược của riêng chúng. Toàn bộ quá trình và kết quả có thể một phần được đặc trưng hoá, theo lời của C, là *kéo dãn dây cao su*.

Sự mô tả sơ lược siêu dụng học của lời xin lỗi giữa hai quốc gia này rất phù hợp với mô hình chung về lịch sử của Watts và các

đồng nghiệp của ông (2005), vốn nhấn mạnh sự tranh đấu dụng học. Thực vậy, Thomas (1985: 767) đã chỉ ra rằng sự lưỡng nghĩa dụng học đã từ lâu thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

Trong khi sự lưỡng nghĩa được nhận thức như một yếu tố cơ bản trong lời xin lỗi giữa các quốc gia, Negash (2006: 127) đã đánh giá những lời xin lỗi của Mỹ đối với Trung Quốc như là một cái gì đó vừa mờ nghĩa vừa rõ nghĩa. Phải chăng đó là sự mềm dẻo chiến lược mà cả hai phía đều triệt để khai thác, nhằm phục vụ cho các ý đồ của riêng mình.

Trong khi bản thân các phân tích trên quan tâm chủ yếu đến những lời xin lỗi giữa quốc gia với quốc gia với các đặc trưng riêng biệt, chúng tôi đề xuất rằng khái niệm về lời xin lỗi như một quá trình có thể thương thuyết được và mang tính lưỡng nghĩa chiến lược, thực sự thích hợp cho sự phân tích lời xin lỗi nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Asutin, John L. (1962), *How to do things with words*. Oxford: Clarendon Press.
2. Blum-Kulka, Shoshana and Elite Olstain (1984).
3. Cunnigham, Micheal (1999), *The politics of apology*. Political quarterly (10(3): 225-293.
4. Eisenberg, Eric M. (1984), *Ambiguity as strategy in organizational communication*. Communication monographs 51: 227-242.
5. Goffman, Erving (1967), *Interaction ritual: Essay on face-to-face behaviour*. Chicago: Aldine Pub. Co.
6. Gu, Yueguo (1990), *Politenes phenomena in modern Chinese*. Journal of Pragmatics 14: 237-257.
7. Hau, Michael and Carl Hinze (2003), *A metalinguistic approach to deconstructing the concept of 'face' and 'politeness' in Chinese, English and Japanese*. Journal of pragmatics 35: 1581-1611.
8. Lewis Glibert (2010), *Apologizing to China: Elastic apologies and the meta-discourse of American diplomats*. Intercultural pragmatics 7-1 (2010), 47 – 74.
9. Lind, Jenifer (2008), *Sorry state: Apologies in interational polotics*. Ithaca: Cornel University Press.
10. Negash, Girma (2006), *Apologlia politica states and their apologies by proxy*. Lanham. MD: Lexington Books.
11. O'Discoll, Jim (2007), *Brown and Levinson's face: How can it hepls us to understand interactional across culture*. Intercultural pragmatics 4(4): 463-492).
12. Solomon, Richard (1995), *Chinse political negotiating behaviour, 1967-1984*. Santa Monica, Calif.: RAND.
13. Solomon, Richard H. (1999), *Chinese negotiating behavior - pursuing interests through 'Old Friends'*. Washington, D.C.: United States Institute of Peace.
14. Thomas, Jenny (1985), *The language of power: Towards a dynamic pragmatincs*. Journal of pragmatics 9: 765 -783.
15. Yee, Albert S. (2004), *Semanrtic ambiguity and joint deflections in the Hainan negotiations*. China: International journal. 2(1): 53-82.
16. Zang, Hang (2001), *Cultural and apology the hainan incident*. World Englishes 20(3): 383-391.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 31-01-2012)